



# Tiểu học mộc lan Walt Disney



## Thẻ Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học 2023-2024

*Đã xuất bản: tháng 1 năm 2025*

**QUẢN LÝ TRƯỜNG HỌC**  
Regina Ford  
rford@magnoliasd.org

**THÔNG TIN TRƯỜNG**  
30665896029193  
2323 Tây Orange Ave.  
Anaheim, CA 92804,  
(714) 535-1183  
www.magnoliasd.org

**GIÁM ĐỐC**  
Frank Donovan  
fdonavan@magnoliasd.org

**THÔNG TIN QUẬN**  
Tiểu học mộc lan  
2705 Tây Orange Ave.  
Anaheim, CA 92804,  
(714) 761-5533

**HỘI ĐỒNG GIÁO DỤC**  
Barbara Clendening  
Annie Warne  
Nathan Zug  
Connie Martin  
Patricia Soave

**HÀNH CHÍNH QUẬN**  
Frank Donovan, Ed.D.  
Giám đốc  
fdonavan@magnoliasd.org  
Veronica Lizardi, Ed.D.  
Trợ lý Giám đốc,  
Dịch vụ giáo dục  
David Appling, Ed.D.  
Trợ lý Giám đốc,  
Nhân sự  
Bill Bailey  
Giám đốc kinh doanh

### THÔNG TIN SARC

Luật tiểu bang yêu cầu mọi trường học ở California phải xuất bản Thẻ Báo cáo Trách nhiệm Nhà trường (SARC) trước ngày 1 tháng 2 hàng năm. SARC chứa thông tin về tình trạng và hiệu quả hoạt động của mỗi trường công ở California. Theo Công thức Tài trợ Kiểm soát Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) đều phải chuẩn bị Kế hoạch Trách nhiệm Kiểm soát Địa phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đáp ứng các mục tiêu cụ thể hàng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể để giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Truy cập trang web CDE SARC tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/> để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC.
- Truy cập Trang web LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/> để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng nhà trường hoặc văn phòng học khu.

### CÂU HỎI DỮ LIỆU

DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến có trên trang Web DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest>, chứa thông tin bổ sung về trường này và các so sánh của trường với khu học chánh, quận và tiểu bang. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu bài kiểm tra, số học sinh ghi danh, số học sinh tốt nghiệp trung học, số học sinh bỏ học, số học sinh ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu về người học tiếng Anh).

### BẢNG TỔNG QUAN TRƯỜNG CALIFORNIA

Bảng thông tin trường học California (Bảng thông tin) phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California, đồng thời cung cấp thông tin về cách các khu học chánh và trường học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng học sinh đa dạng của California. Bảng điều khiển chứa các báo cáo hiển thị hiệu quả hoạt động của các học khu, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các biện pháp của tiểu bang và địa phương nhằm hỗ trợ xác định các điểm mạnh, thách thức và các lĩnh vực cần cải thiện. Bảng điều khiển có thể được truy cập tại

<https://www.caschooldashboard.org>.

## **BÁO CÁO CỦA QUẬN SỨ MỆNH QUẬN**

Đề truyền cảm hứng cho **TẤT CẢ** học sinh đạt được thành tích phi thường mỗi ngày.

## **TÂM NHÌN QUẬN**

Sự tập trung kiên định vào những trải nghiệm học tập sáng tạo và hấp dẫn nhằm chuẩn bị cho học sinh bước vào đại học, con đường sự nghiệp và thành công trong cuộc sống.

## **TUYÊN BỐ CỦA TRƯỜNG**

### **THÔNGIỆP TỪ BAN QUẢN LÝ TRƯỜNG**

Theo Dự luật 98, mọi trường học ở California phải cấp “Thẻ Báo cáo Trách nhiệm” hàng năm. Chúng tôi tự hào về Disney School và hoan nghênh cơ hội này để cho bạn biết thêm về chúng tôi.

Trường Disney có truyền thống giáo dục xuất sắc và đã được công nhận là Trường Xuất sắc của California, cũng như được US News & World Report công nhận là một trong những Trường Tiểu học Tốt nhất trên toàn quốc. Chúng tôi tôn vinh tất cả các nền văn hóa và ngôn ngữ. Dân số của trường bao gồm học sinh và nhân viên có nền tảng đa văn hóa và sắc tộc phong phú. Học sinh, phụ huynh, nhân viên và cộng đồng đã cùng nhau tham gia để đảm bảo sự thành công cho tất cả học sinh.

Đội ngũ nhân viên tại Disney School tin rằng mỗi đứa trẻ là duy nhất và xứng đáng được hưởng một môi trường giáo dục phong phú. Mỗi học sinh được tiếp cận với một chương trình giảng dạy cốt lõi nghiêm ngặt về nghệ thuật ngôn ngữ, toán, khoa học và khoa học xã hội.

Đội ngũ nhân viên làm việc chăm chỉ vừa có tay nghề cao vừa tận tâm vì sự thành công của học sinh. Chúng tôi may mắn có được nhiều giáo viên giàu kinh nghiệm và hiểu biết luôn mong muốn tạo ra sự khác biệt cho học sinh của mình. Chúng tôi tin vào cách tiếp cận lấy học sinh làm trung tâm, mang lại bầu không khí trong đó các nhu cầu xã hội, cảm xúc và trí tuệ của trẻ là quan trọng. Tất cả học sinh đều có tài năng đặc biệt và được tạo cơ hội để phát triển những tài năng đó.

Disney School có sự tham gia của phụ huynh và các thành viên cộng đồng trong mọi khía cạnh của trường chúng tôi. Chúng tôi tin rằng phụ huynh, thành viên cộng đồng và nhân viên phải làm việc cùng nhau để hỗ trợ nhu cầu giáo dục của tất cả học sinh. Chúng tôi rất tự hào về truyền thống tốt đẹp của mình tại Disney School.

## **HỒ SƠ TRƯỜNG**

Tọa lạc tại Thành phố Anaheim thuộc Quận Cam, Học khu Magnolia giáo dục học sinh từ mẫu giáo đến lớp sáu từ các cộng đồng đa dạng ở phía tây Anaheim và Stanton. Hiện nay có chín trường tiểu học (mầm non-K-6) trong huyện. Học sinh từ Học khu Magnolia theo học các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trong Học khu Trung học Anaheim Union. Các chương trình của trường và mục tiêu ngoại khóa nhấn mạnh vào Phát triển Ngôn ngữ Tiếng Anh, quan hệ đối tác cộng đồng mạnh mẽ và giáo dục nhân cách là những đặc điểm nổi bật của Học khu Magnolia.

Mục tiêu của Trường Walt Disney là cung cấp một môi trường học tập hấp dẫn với sự tham gia tích cực của phụ huynh, nơi tất cả học sinh có thể tham gia vào các hoạt động nhằm thúc đẩy thành tích học tập, phát triển cá nhân và lòng tự trọng cao. Trường Walt Disney tự hào về thành tích học tập của chúng tôi.

## TUYỂN SINH THEO NHÓM SINH VIÊN

Các biểu đồ hiển thị số học sinh ghi danh được chia theo nhóm học sinh.

Ghi danh theo nhóm sinh viên	
2023-24	Tỷ lệ phần trăm
Nữ giới	51,40
Nam giới	48,60
Phi nhị phân	
Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska	
Châu Á	25,70
Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi	2,70
Tiếng Philippin	3,60
Tây Ban Nha hoặc Latino	48,20
Người Hawaii bản xứ hoặc người đảo Thái Bình Dương	0,50
Trắng	16,10
Hai hoặc nhiều cuộc đua	2,00
Học sinh EL	33,20
Nuôi dưỡng tuổi trẻ	0,70
Vô gia cư	25,90
Quân đội	
Khó khăn về kinh tế xã hội	70,50
Giáo dục di cư	
Học sinh khuyết tật	7 giờ 80

## TUYỂN SINH THEO LỚP

Các biểu đồ hiển thị số lượng học sinh đăng ký được chia theo cấp lớp.

Tuyển sinh theo cấp lớp	
2023-24	Đếm
K	114
thứ nhất	70
thứ 2	78
thứ 3	74
thứ 4	64
thứ 5	76
thứ 6	76
Tổng cộng	552

## ĐIỀU KIỆN HỌC TẬP

SARC cung cấp thông tin sau liên quan đến Ưu tiên cơ bản của Tiểu bang (Ưu tiên 1):

- Mức độ mà giáo viên được phân công phù hợp và có đủ chứng chỉ về môn học và đối với học sinh mà họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận tài liệu giảng dạy theo đúng tiêu chuẩn; Và
- Cơ sở vật chất của trường được duy trì ở tình trạng tốt.

## PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN

Các bảng bên dưới hiển thị thông tin liên quan đến việc chuẩn bị và sắp xếp giáo viên, giáo viên không có bằng cấp và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA), giáo viên có bằng cấp được phân công ngoài trường (được coi là “ngoài trường” theo ESSA); và bài tập trên lớp. Dữ liệu được thu thập và cung cấp thông qua trao đổi với Ủy ban Chứng nhận Giáo viên (CTC) và Hệ thống Trách nhiệm Phân công của Tiểu bang California (CalSAAS). Thông tin thêm về các định nghĩa được sử dụng để xác định dữ liệu được hiển thị có sẵn trên trang web Cập nhật Định nghĩa Giáo viên của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydef địnhhs.asp>.

Sự chuẩn bị và bố trí giáo viên						
2020-21	Mã số trường học	Phần trăm trường học	Số quận	Phần trăm quận	Số tiểu bang	Phần trăm Tiểu bang
Được chứng nhận đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp cho học sinh (được chỉ định đúng cách)	23:50	100,00	216,50	94,34	228.366,10	83,12
Người có chứng chỉ thực tập được chỉ định đúng cách	0,00	0,00	0,00	0,00	4.205,90	1,53
Giáo viên không có bằng cấp và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0,00	0,00	0,00	0,00	11.216,70	4,08
Giáo viên được chứng nhận được chỉ định ngoài trường (“ngoài trường” theo ESSA)	0,00	0,00	0,00	0,00	12.115,80	4,41
Không xác định	0,00	0,00	13:00	5,66	18.854,30	6,86
Tổng số vị trí giảng dạy	23:50	100,00	229,50	100,00	274.759,10	100,00

Sự chuẩn bị và bố trí giáo viên						
2021-22	Mã số trường học	Phần trăm trường học	Số quận	Phần trăm quận	Số tiểu bang	Phần trăm Tiểu bang
Được chứng nhận đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp cho học sinh (được chỉ định đúng cách)	23:00	100,00	216,50	92,13	234.405,20	84,00
Người có chứng chỉ thực tập được chỉ định đúng cách	0,00	0,00	0,00	0,00	4.853,00	1,74
Giáo viên không có bằng cấp và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0,00	0,00	6 giờ 00	2,55	12.001,50	4h30
Giáo viên được chứng nhận được chỉ định ngoài trường (“ngoài trường” theo ESSA)	0,00	0,00	0,00	0,00	11.953,10	4,28
Không xác định	0,00	0,00	12:50	5,32	15.831,90	5,67
Tổng số vị trí giảng dạy	23:00	100,00	235,00	100,00	279.044,80	100,00

**Sự chuẩn bị và bố trí giáo viên**

<b>2022-23</b>	<b>Mã số trường học</b>	<b>Phần trăm trường học</b>	<b>Số quận</b>	<b>Phần trăm quận</b>	<b>Số tiểu bang</b>	<b>Phần trăm Tiểu bang</b>
Được chứng nhận đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp cho học sinh (được chỉ định đúng cách)	23:00	100,00	213,50	91,24	231.142,40	83,24
Người có chứng chỉ thực tập được chỉ định đúng cách	0,00	0,00	0,00	0,00	5.566,40	2,00
Giáo viên không có bằng cấp và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0,00	0,00	2,00	0,85	14.938,30	5,38
Giáo viên được chứng nhận được chỉ định ngoài trường ("ngoài trường" theo ESSA)	0,00	0,00	2,00	0,85	11.746,90	4,23
Không xác định	0,00	0,00	16:50	7,05	14.303,80	5,15
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>23:00</b>	<b>100,00</b>	<b>234,00</b>	<b>100,00</b>	<b>277.698,00</b>	<b>100,00</b>

**Giáo viên không có bằng cấp và phân công sai**

	<b>2020-21</b>	<b>2021-22</b>	<b>2022-23</b>
Giấy phép và Miễn trừ	0,00	0,00	0,00
Phân công sai	0,00	0,00	0,00
Vị trí trống	0,00	0,00	0,00
<b>Tổng số giáo viên không có bằng cấp và phân công sai</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>

**Giáo viên được chứng nhận được chỉ định ngoài hiện trường**

	<b>2020-21</b>	<b>2021-22</b>	<b>2022-23</b>
Giáo viên được chứng nhận được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Miễn trừ	0,00	0,00	0,00
Tùy chọn bài tập cục bộ	0,00	0,00	0,00
<b>Tổng Số Giáo Viên Ngoài Trường</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>

**Bài tập trên lớp**

	<b>2020-21</b>	<b>2021-22</b>	<b>2022-23</b>
Phân công sai đối với người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có người học tiếng Anh do giáo viên giảng dạy bị phân công sai)	0,00	0,00	0,00
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp được giảng dạy bởi giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	0,00	0,00	0,00

## CƠ SỞ TRƯỜNG HỌC

### Tuổi và tình trạng của cơ sở vật chất

Trường tiểu học Walt Disney được thiết kế vào năm 1956. Trường Walt Disney rộng chưa đầy 10 mẫu Anh và cơ sở vật chất của trường bao gồm tổng cộng 21 phòng học cố định, 16 phòng học di động, thư viện, khu sân chơi, phòng đa năng, nhà bếp và tòa nhà văn phòng hành chính. Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt và cung cấp đủ không gian cho học sinh và nhân viên. Cơ sở này hỗ trợ mạnh mẽ cho việc dạy và học thông qua không gian lớp học và sân chơi rộng rãi.

### Cải tiến cơ sở vật chất

Địa điểm này có cấu trúc bằng điều khiển năng lượng mặt trời cung cấp cả năng lượng và bóng mát cho cơ sở. Hệ thống đèn LED đã được lắp đặt cho các thiết bị chiếu sáng đồ xe hiện có. Trường Tiểu học Walt Disney đã hoàn thành việc nâng cấp hệ thống HVAC và hệ thống chiếu sáng. Học khu có kế hoạch tiếp tục chương trình bảo trì phòng ngừa cho mái che sân chơi, bãi đậu xe và mái nhà. Gần đây, một sân chơi Mẫu giáo hòa nhập đã được lắp đặt và có kế hoạch lắp đặt sân chơi này trên sân chơi chính trong năm nay.

### Quy trình làm sạch

Hội đồng quản trị của Học khu đã thông qua các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học trong Học khu. Bản tóm tắt các tiêu chuẩn này có sẵn tại văn phòng nhà trường hoặc tại văn phòng học khu. Nhóm quản lý trường làm việc hàng ngày với nhân viên trông coi để lập lịch trình dọn dẹp nhằm đảm bảo trường học sạch sẽ và an toàn.

### Bảo trì và sửa chữa

Việc bảo trì và sửa chữa cơ sở vật chất của trường là ưu tiên số một của Phòng Bảo trì, Vận hành, Vận chuyển và Cơ sở vật chất của Học khu. Những người giám sát bảo trì của Học khu luôn chủ động và tiến hành kiểm tra các cơ sở trường học một cách liên tục. Những sửa chữa cần thiết để giữ cho trường luôn trong tình trạng tốt và hoạt động tốt được hoàn thành kịp thời. Quy trình đặt hàng công việc được sử dụng để đảm bảo dịch vụ hiệu quả và việc sửa chữa khẩn cấp được ưu tiên cao nhất.

## KẾT QUẢ KIỂM TRA CƠ SỞ

Biểu đồ hiển thị kết quả kiểm tra cơ sở vật chất gần đây nhất tại trường. Trong khi xem xét báo cáo này, xin lưu ý rằng ngay cả những khác biệt nhỏ cũng được báo cáo trong quá trình kiểm tra.

### Tóm tắt Kiểm tra Cơ sở Trường học 2024-25

Ngày kiểm tra lần cuối:	09/04/2024
Dữ liệu được thu thập:	tháng 9 năm 2024
Tóm tắt chung về điều kiện cơ sở vật chất của trường:	Tốt

### Kết quả kiểm tra cơ sở vật chất trường học

Loại	Đánh giá	Cần sửa chữa và hành động được thực hiện hoặc lên kế hoạch
HỆ THỐNG: Rò rỉ gas, Cơ khí/HVAC, Công thoát nước	TỐT	
NỘI THẤT: Bề mặt nội thất	TỐT	PHÒNG 39: 4. PC LAMINATE BỊ BỊ TẮT TRƯỚC TỦ RỬA & CÀN ĐƯỢC KÍNH.
SẠCH SẼ: Độ sạch tổng thể, sự xâm nhập của sâu bọ/ sâu bọ	TỐT	
ĐIỆN: Điện	TỐT	PHÒNG 39: 7. NẮP CẮM HỒI.
NHÀ VỆ SINH/BÀI FOUNTAIN: Nhà vệ sinh, Bồn rửa/Đài phun nước	TỐT	PHÒNG 20: 9. VÁN ĐÈ LAMINATE TRÊN CỬA TỦ SINH, CÀN THAY THẾ. PHÒNG 15: 9. THIẾU MẶT PC LAMINATE ĐẾN SNK TOP.
AN TOÀN: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hiểm	TỐT	
KẾT CẤU: Hư hỏng kết cấu, Mái nhà	TỐT	
BÊN NGOÀI: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cổng/Hàng rào	HỘI CHỢ	SÂN CHƠI: 14. CHUỐI TRÊN ĐU CÓ THỂ ĐƯỢC THAY THẾ. PHÒNG 36: 15. ĐIỀU CHỈNH CỬA. PHÒNG 40: 15. KHÓA CỬA SỔ.

## TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Học khu Magnolia đã tổ chức một Phiên điều trần Công khai vào ngày 11 tháng 9 năm 2024 và xác định rằng học khu có đủ sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy hoặc thiết bị phòng thí nghiệm khoa học có đủ và chất lượng tốt theo thỏa thuận giữa Williams và Bang California. Tất cả học sinh, bao gồm cả những người học tiếng Anh, đều được cấp sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn của riêng mình, hoặc cả hai, trong các môn học chính để sử dụng trong lớp học và mang về nhà. Tất cả sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy được sử dụng trong học khu đều tuân theo Tiêu chuẩn của Tiểu bang California và đã được Hội đồng Giáo dục phê duyệt. Các sách giáo khoa mới nhất (tính đến tháng 9 năm 2024) của tất cả các trường trong Khu học chánh Magnolia đều được nêu rõ.

## SÁCH GIẢNG GIÁO

Bảng này hiển thị thông tin về chất lượng, tính phổ biến và tính sẵn có của các sách giáo khoa phù hợp với tiêu chuẩn và các tài liệu giảng dạy khác được sử dụng tại trường.

Tài liệu giảng dạy 2024-25			
Chủ thể	Sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác / Năm áp dụng	Từ việc nhận con nuôi gần đây nhất?	Phần trăm học sinh thiếu bản sao được giao riêng
Tiếng Anh / Ngữ văn	Lớp: K-6 / Khóa học: Tiếng Anh/Ngôn ngữ / Nhà xuất bản: Benchmark Advance / Thông qua: 2016	Đúng	0,00%
	Lớp: K-6 / Khóa học: Phát triển Anh ngữ / Nhà xuất bản: Benchmark Advance / Thông qua: 2016	Đúng	0,00%
Toán học	Khối lớp: K-6 / Khóa học: Toán / Nhà xuất bản: Houghton Mifflin/Harcourt / Thông qua: 2014	Đúng	0,00%
	Khối lớp: K-6 / Khóa học: Toán / Nhà xuất bản: Biểu thức toán học California / Được thông qua: 2015	Đúng	0,00%
Lịch sử / Khoa học xã hội	Lớp: K-6 / Khóa học: Lịch sử/Khoa học xã hội / Nhà xuất bản: Nhà xuất bản trường Harcourt / Thông qua: 2006	Đúng	0,00%
Khoa học	Lớp: K-6 / Khóa học: Khoa học / Nhà xuất bản: MacMillan/ McGraw Hill / Thông qua: 2007	Đúng	0,00%
Ngoại ngữ	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Nghệ thuật thị giác / biểu diễn	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Giáo dục sức khỏe	Lớp: K-6 / Khóa học: Sức khỏe / Nhà xuất bản: Trung tâm Nghiên cứu Phát triển / Thông qua: 2003	Đúng	0,00%
	Khối lớp: 4-6 / Khóa học: Sức khỏe / Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Y tế Princeton / Thông qua: 2003	Đúng	0,00%

## THÀNH TÍCH VÀ KẾT QUẢ CỦA HỌC SINH

SARC cung cấp thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích Học sinh (Ưu tiên 4):

- Các đánh giá toàn tiểu bang (tức là Hệ thống Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh California [CAASPP] bao gồm Đánh giá Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Đánh giá Thay thế California [CAA] về nghệ thuật ngôn ngữ/đọc viết tiếng Anh [ELA] và môn toán cho từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia quản lý CAA. Các mục CAA được điều chỉnh theo các tiêu chuẩn thành tích thay thế, được liên kết với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của tiểu bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

## ĐÁNH GIÁ CỦA CALIFORNIA VỀ HIỆU QUẢ VÀ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH

Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh California (CAASPP) là một tập hợp các bài kiểm tra được sử dụng trên toàn tiểu bang để cung cấp cho giáo viên, học sinh và phụ huynh thông tin về tình hình học tập của học sinh ở trường. Hệ thống đánh giá sử dụng các bài kiểm tra thích ứng trên máy tính và các bài tập thực hiện cho phép học sinh thể hiện những gì các em biết và có thể làm. Kết quả đánh giá tổng hợp bao gồm điểm số của học sinh, mức thành tích và các mô tả mô tả hiệu suất. Thông tin liên quan đến kết quả bài kiểm tra CAASPP môn toán cho từng lớp và tiêu chuẩn thành tích có thể được tìm thấy trên trang web Kết quả CAASPP-ELPAC của CDE tại <https://www.caaspp-elpac.cde.ca.gov/caaspp/>. Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá sau:

- Cân bằng thông minh hơn giữa nghệ thuật/đọc viết tiếng Anh (ELA) và toán học
- Đánh giá thay thế của California về ELA, toán và khoa học
- Kỳ thi Khoa học California (CAST)
- Đánh giá tiếng Tây Ban Nha của California (CSA)
- Đánh giá tạm thời cân bằng thông minh hơn

Lưu ý: Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười học sinh trở xuống, vì số lượng học sinh trong danh mục này quá nhỏ để có thể thống kê chính xác hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Lưu ý: Giá trị "N/T" cho biết học sinh chưa được kiểm tra và do đó không có điểm vào thời điểm này.

## KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang về Ngữ Văn Anh/Xóa Viết (lớp 3-8 và 11), Toán (lớp 3-8 và 11), và Khoa học (Lớp 5, 8 và trung học).

Kết quả đánh giá theo chuyên đề									
	Trường học			Huyện			Tình trạng		
	2022-23	2022-23	2023-24	2022-23	2022-23	2023-24	2022-23	2022-23	2023-24
Ngữ Văn Anh/Xóa Viết (Lớp 3-8 và 11)	61	59	57	47	47	46	47	46	47
Toán (Lớp 3-8 và 11)	52	52	52	39	40	40	33	34	35
Khoa học (Lớp 5, 8 và 10)	35	39	45	29	29	30	29	30	31

**Kết quả đánh giá theo nhóm học sinh - Ngữ văn Anh**

<b>2023-24</b>	<b>Tổng số tuyển sinh</b>	<b>Số đã kiểm tra</b>	<b>Phần trăm được kiểm tra</b>	<b>Phần trăm không được kiểm tra</b>	<b>% Đạt hoặc Vượt Tiêu chuẩn</b>
Tất cả sinh viên	298	291	97,65	2,35	57,04
Nam giới	144	143	99,31	0,69	54,55
Nữ giới	154	148	96,10	3,90	59,46
Phi nhị phân	--	--	--	--	--
Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska	--	--	--	--	--
Châu Á	76	75	98,68	1,32	77,33
Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi	11	10	90,91	9,09	--
Tiếng Philippin	--	--	--	--	--
Tây Ban Nha hoặc Latino	145	143	98,62	1,38	46,85
Người Hawaii bản xứ hoặc người đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Trắng	46	45	97,83	2,17	60,00
Hai hoặc nhiều cuộc đua	--	--	--	--	--
Học sinh EL	70	65	92,86	7,14	23,08
Nuôi dưỡng tuổi trẻ	--	--	--	--	--
Vô gia cư	81	78	96,30	3,70	52,56
Quân đội	--	--	--	--	--
Khó khăn về kinh tế xã hội	195	188	96,41	3,59	49,47
Giáo dục di cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	34	33	97,06	2,94	33,33

**Kết quả đánh giá theo nhóm học sinh - Toán**

<b>2023-24</b>	<b>Tổng số tuyển sinh</b>	<b>Số đã kiểm tra</b>	<b>Phần trăm được kiểm tra</b>	<b>Phần trăm không được kiểm tra</b>	<b>% Đạt hoặc Vượt Tiêu chuẩn</b>
Tất cả sinh viên	299	297	99,33	0,67	51,52
Nam giới	145	144	99,31	0,69	56,94
Nữ giới	154	153	99,35	0,65	46,41
Phi nhị phân	--	--	--	--	--
Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska	--	--	--	--	--
Châu Á	76	76	100,00	0,00	81,58
Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Tiếng Philippin	--	--	--	--	--
Tây Ban Nha hoặc Latino	146	145	99,32	0,68	37,93
Người Hawaii bản xứ hoặc người đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Trắng	46	46	100,00	0,00	47,83
Hai hoặc nhiều cuộc đua	--	--	--	--	--
Học sinh EL	70	70	100,00	0,00	30,00
Nuôi dưỡng tuổi trẻ	--	--	--	--	--
Vô gia cư	81	80	98,77	1,23	45,00
Quân đội	--	--	--	--	--
Khó khăn về kinh tế xã hội	195	193	98,97	1,03	44,04
Giáo dục di cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	34	33	97,06	2,94	27,27

**Kết quả đánh giá theo nhóm học sinh - Khoa học**

<b>2023-24</b>	<b>Tổng số tuyển sinh</b>	<b>Số đã kiểm tra</b>	<b>Phần trăm được kiểm tra</b>	<b>Phần trăm không được kiểm tra</b>	<b>% Đạt hoặc Vượt Tiêu chuẩn</b>
Tất cả sinh viên	76	76	100,00	0,00	44,74
Nam giới	35	35	100,00	0,00	37,14
Nữ giới	41	41	100,00	0,00	51,22
Phi nhị phân	--	--	--	--	--
Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska	0	0	0	0	0
Châu Á	22	22	100,00	0,00	59,09
Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Tiếng Philippin	--	--	--	--	--
Tây Ban Nha hoặc Latino	41	41	100,00	0,00	39,02
Người Hawaii bản xứ hoặc người đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Trắng	--	--	--	--	--
Hai hoặc nhiều cuộc đua	--	--	--	--	--
Học sinh EL	13	13	100,00	0,00	7,69
Nuôi dưỡng tuổi trẻ	--	--	--	--	--
Vô gia cư	18	18	100,00	0,00	27,78
Quân đội	--	--	--	--	--
Khó khăn về kinh tế xã hội	43	43	100,00	0,00	30,23
Giáo dục di cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	--	--	--	--

**KẾT QUẢ KHÁC**

SARC cung cấp thông tin sau liên quan đến Ưu tiên Tiêu bang về Kết quả Học sinh Khác (Ưu tiên 8):

- Kết quả học tập của học sinh môn giáo dục thể chất

**ĐÁNH GIÁ SỨC KHỎE THỂ CHẤT**

Vào mùa xuân hàng năm, tất cả các trường học ở California được tiểu bang yêu cầu thực hiện bài kiểm tra thể lực cho học sinh lớp năm, lớp bảy và lớp chín. Bài kiểm tra thể lực là một bài đánh giá tiêu chuẩn nhằm đo lường khả năng của mỗi học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ thể lực trong năm lĩnh vực chính. Năm lĩnh vực chính là Khả năng hiếu khí, Sức mạnh và sức bền của bụng, Cơ duỗi và Sức mạnh và sự linh hoạt, Sức mạnh và sức bền của phần trên cơ thể, và Tính linh hoạt.

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng đánh giá trong số năm đánh giá về thể lực theo cấp lớp. Thông tin chi tiết về bài kiểm tra này có thể được tìm thấy trên trang web của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/>.

**Tham gia bài kiểm tra thể lực 2023-24**

<b>Cấp</b>	<b>Hợp phần 1: Năng lực hiếu khí</b>	<b>Thành phần 2: Sức mạnh và sức bền của bụng</b>	<b>Thành phần 3: Bộ kéo dài thân cây và sức mạnh và tính linh hoạt</b>	<b>Thành phần 4: Sức mạnh và sức bền của phần trên cơ thể</b>	<b>Thành phần 5: Tính linh hoạt</b>
thứ 5	76	41	91	36	83

### SỰ THAM GIA CỦA HỌC SINH

SARC cung cấp thông tin sau liên quan đến Ưu tiên của Tiểu bang về Sự tham gia của Học sinh (Ưu tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học và tốt nghiệp trung học
- Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên

#### Vắng mặt mãn tính

Việc đi học đều đặn là rất quan trọng đối với thành tích học tập. Việc đi học đều đặn hàng ngày là ưu tiên hàng đầu và được mong đợi đối với học sinh. Một học sinh vắng mặt từ 10 phần trăm số ngày học trở lên trong năm học được coi là “vắng mặt thường xuyên”. Việc vắng mặt thường xuyên sẽ tác động tiêu cực đến việc học tập và thành tích của học sinh và được nhân viên nhà trường và học khu giám sát chặt chẽ. Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên của trường được trình bày dưới đây.

Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên (Phần trăm)				
2023-24	Ghi danh tích lũy	Ghi danh đủ điều kiện cho tình trạng vắng mặt thường xuyên	Số lần vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên (Phần trăm)
Tất cả sinh viên	591	577	75	13,0
Nữ giới	301	295	31	10,5
Nam giới	290	282	44	15,6
Phi nhị phân	--	--	--	--
Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska	--	--	--	--
Châu Á	146	144	4	2,8
Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi	19	18	5	27,8
Tiếng Philippin	20	20	3	15,0
Tây Ban Nha hoặc Latino	290	279	48	17,2
Người Hawaii bản xứ hoặc người đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Trắng	95	95	12	12,6
Hai hoặc nhiều cuộc đua	11	11	1	9,1
Học sinh EL	199	195	23	11,8
Nuôi dưỡng tuổi trẻ	--	--	--	--
Vô gia cư	153	149	19	12,8
Quân đội	--	--	--	--
Khó khăn về kinh tế xã hội	425	413	58	14,0
Giáo dục di cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	55	54	6	11,1

### SỰ THAM GIA CỦA PHỤ HUYNH

SARC cung cấp thông tin sau liên quan đến Ưu tiên của Tiểu bang về Sự tham gia của Phụ huynh (Ưu tiên 3):

- Những nỗ lực của khu học chánh nhằm thu hút ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho khu học chánh và mỗi địa điểm trường học

#### SỰ THAM GIA CỦA PHỤ HUYNH

Phụ huynh và cộng đồng rất ủng hộ chương trình giáo dục tại Disney School. Cộng đồng nhà trường đã có những đóng góp hào phóng về thời gian và tiền bạc cho nhiều chương trình và hoạt động.

Phụ huynh được khuyến khích tham gia vào việc giáo dục con mình thông qua hoạt động tình nguyện, tham gia PTA, cũng như tham dự các sự kiện toàn trường được tổ chức quanh năm. Những sự kiện này bao gồm Đêm tụ trường, Open House, họp phụ huynh và biểu diễn của học sinh. Cộng đồng được thông báo về các diễn biến tại trường thông qua điện thoại, email và tin nhắn văn bản thường xuyên cũng như lịch trực tuyến của chúng tôi.

## KHÍ HẬU TRƯỜNG HỌC

SARC cung cấp thông tin sau liên quan đến Ưu tiên của Tiểu bang về Khí hậu Trường học (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ đình chỉ học sinh;
- Tỷ lệ đuổi học học sinh; Và
- Các biện pháp khác của địa phương về ý thức an toàn.

## ĐÌNH CHỈ VÀ ĐUỔI HỌC

Bảng này trình bày tỷ lệ đình chỉ và đuổi học tại trường, trong học khu và trên toàn tiểu bang. Việc đuổi học chỉ xảy ra khi luật pháp yêu cầu hoặc khi tất cả các biện pháp thay thế khác đã hết.

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học						
	Đình chỉ			Đuổi học		
	2021-22	2022-23	2023-24	2021-22	2022-23	2023-24
Trường học	0,91	1,85	0,51	0,00	0,00	0,00
Huyện	0,79	1,13	0,86	0,00	0,00	0,00
Tỉnh trạng	3,17	3,60	3,28	0,07	0,08	0,07

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh		
2023-24	Đình chỉ	Đuổi học
Tất cả sinh viên	0,51	0,00
Nữ giới	0,00	0,00
Nam giới	1,03	0,00
Phi nhị phân	0,00	0,00
Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska	0,00	0,00
Châu Á	0,00	0,00
Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi	0,00	0,00
Tiếng Philippin	0,00	0,00
Tây Ban Nha hoặc Latino	1,03	0,00
Người Hawaii bản xứ hoặc người đảo Thái Bình Dương	0,00	0,00
Trắng	0,00	0,00
Hai hoặc nhiều cuộc đua	0,00	0,00
Học sinh EL	0,50	0,00
Nuôi dưỡng tuổi trẻ	0,00	0,00
Vô gia cư	1,31	0,00
Quân đội	--	--
Khó khăn về kinh tế xã hội	0,71	0,00
Giáo dục di cư	0,00	0,00
Học sinh khuyết tật	0,00	0,00

## AN TOÀN TRƯỜNG HỌC

Tất cả các trường học trong Học khu Magnolia đều đóng cửa cơ sở. Trong giờ học, lối vào được đảm bảo an ninh để đảm bảo du khách đăng ký tại văn phòng phía trước. Tất cả du khách được yêu cầu đăng nhập và đeo thẻ dành cho khách trong thời gian lưu trú. Mặc dù các chuyên viên của phụ huynh và thành viên cộng đồng đều được hoan nghênh nhưng bất kỳ ai muốn đến trường trong giờ học đều phải thông báo trước cho nhân viên. Trong giờ ăn trưa, giờ giải lao, trước và sau giờ học, người giám sát sân trường, quản trị viên và giáo viên sẽ giám sát học sinh và giám sát khuôn viên trường.

Kế hoạch Trường học An toàn toàn diện được học khu phát triển để tuân thủ Dự luật Thượng viện 187 (SB 187) năm 1997. Kế hoạch này cung cấp cho học sinh và nhân viên một phương tiện để đảm bảo một môi trường học tập an toàn và trật tự. Mỗi trường bao gồm các yêu cầu sau của SB 187 trong kế hoạch trường học an toàn của họ: tình trạng tội phạm học đường hiện tại; thủ tục báo cáo lạm dụng trẻ em; thủ tục tham họa, thường lệ và khẩn cấp; các chính sách liên quan đến đình chỉ và đuổi học; thông báo cho giáo viên; chính sách quấy rối tình dục; cung cấp quy định về trang phục toàn trường; an toàn ra vào của học sinh, phụ huynh và nhân viên nhà trường; môi trường học đường an toàn, trật tự; và các nội quy, thủ tục của trường. Trong đại dịch COVID-19, việc bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của nhân viên, học sinh và gia đình là ưu tiên hàng đầu. Học khu đã xây dựng các quy trình an toàn và sức khỏe toàn diện bao gồm: làm sạch, khử trùng và khử trùng, sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân, sàng lọc triệu chứng, giãn cách xã hội, thực hành vệ sinh, xét nghiệm và ứng phó với các trường hợp dương tính.

Nhà trường đánh giá kế hoạch hàng năm và cập nhật khi cần thiết. Kế hoạch này được cập nhật lần cuối vào tháng 12 năm 2024. Các quy trình an toàn, bao gồm các yếu tố của Kế hoạch Trường học An toàn, được nhân viên nhà trường và học khu xem xét trong suốt năm học trong các cơ hội huấn luyện an toàn và diễn tập khẩn cấp khác nhau.

#### THÔNG TIN SARC KHÁC

Thông tin trong phần này bắt buộc phải có trong SARC nhưng không được đưa vào các ưu tiên của tiêu bang đối với LCFF.

#### TỶ LỆ CỔ VẤN HỌC TẬP TRÊN HỌC SINH

Biểu đồ thể hiện tỷ lệ học sinh trên nhân viên tư vấn học tập tại trường.

Tỷ lệ số lượng học sinh trên mỗi cố vấn học tập 2023-24	
Cố vấn học tập	0

#### SẴN SÀNG CÓ NHÂN VIÊN TƯ VẤN VÀ HỖ TRỢ

Biểu đồ hiển thị các nhân viên hỗ trợ có sẵn cho học sinh tại trường. Lưu ý: Một Tương đương Toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50% thời gian toàn thời gian.

Nhân viên tư vấn và hỗ trợ	
2023-24	Tương đương toàn thời gian
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	
Giáo viên Truyền thông Thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên Dịch vụ Truyền thông Thư viện (Paraprofessional)	
Nhà tâm lý học	
Nhân viên xã hội	1
Y tá	
Chuyên gia về Ngôn ngữ/Ngôn ngữ/Thính lực	2
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	2.7

#### PHÂN PHỐI QUY MÔ LỚP

Bảng này cho biết quy mô lớp học trung bình theo cấp lớp hoặc môn học, cũng như số lượng phòng học thuộc từng loại quy mô.

\*Xin lưu ý rằng danh mục "Khác" có thể hiển thị dữ liệu cho các lớp có nhiều cấp lớp.

Phân bố sĩ số lớp học theo lớp												
	Quy mô lớp học trung bình			1-20 học sinh			21-32 Học sinh			33+ Học sinh		
	22	23	24	22	23	24	22	23	24	22	23	24
K	22	23	23	1	0		3	4	3		0	
thứ nhất	22	22	23	1	0		2	3	3		0	
thứ 2	19	22	22	3	0			3	3		0	
thứ 3	19	21	22	4	1			2	3		0	
thứ 4	24	27	22		0	1	3	3	2		0	
thứ 5	26	26	25		0		3	3	3		0	
thứ 6	27	26	25		0		3	3	3		0	
Khác		22	18		0	1		1			0	

## NGÀY PHÁT TRIỂN CHUYÊN NGHIỆP ĐƯỢC CUNG CẤP

Bảng này hiển thị số ngày phát triển chuyên môn hàng năm được cung cấp trong khoảng thời gian ba năm gần đây nhất.

Ngày phát triển chuyên môn			
	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày phát triển chuyên môn	6	6	6

### PHÁT TRIỂN CHUYÊN NGHIỆP

Học khu Magnolia tổ chức sáu ngày phát triển nhân viên hàng năm khi giáo viên có thể tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau để nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn của mình. Các chủ đề bao gồm: Điều kỳ diệu của bạn, Đào tạo i-Ready, Đào tạo khoa học, Quản lý và thay đổi hành vi khó khăn trong lớp học làm gián đoạn việc giảng dạy, Đào tạo EDI, Ứng phó với đào tạo can thiệp

### TRUY CẬP INTERNET VÀ THƯ VIỆN CÔNG CỘNG BỔ SUNG

Để có thêm tài liệu nghiên cứu và khả năng cung cấp Internet, sinh viên được khuyến khích đến thăm các thư viện công cộng ở Quận Cam, nơi có nhiều trạm máy tính. Để biết thêm thông tin, giờ và địa điểm, vui lòng truy cập: [www.ocpl.org](http://www.ocpl.org).

### NGUỒN THU CỦA QUẬN

Ngoài Quỹ chung của Tiểu bang, Học khu Magnolia còn nhận được tài trợ của tiểu bang và liên bang cho các chương trình giáo dục đặc biệt, phân loại và hỗ trợ khác sau đây:

- Tiêu đề I, Phần A, Cơ bản và Bị bỏ quên
- Tiêu đề II, Phần A
- Tiêu đề III, Phần A (LEP)
- Viện trợ tác động kinh tế
- Hỗ trợ và đánh giá ngang hàng

### CHI TIÊU CỦA TRƯỜNG VÀ QUẬN

Bảng này cung cấp sự so sánh về nguồn tài trợ cho mỗi học sinh của một trường từ các nguồn không hạn chế với các trường khác trong học khu và trên toàn tiểu bang. Các khoản chi bổ sung/hạn chế đến từ tiền được pháp luật hoặc nhà tài trợ kiểm soát việc sử dụng. Tiền được học khu hoặc hội đồng quản trị chỉ định cho các mục đích cụ thể không bị coi là hạn chế. Các khoản chi cơ bản/không hạn chế, ngoại trừ các hướng dẫn chung, không bị kiểm soát bởi pháp luật hoặc nhà tài trợ.

Để biết thông tin chi tiết về chi tiêu của trường học cho tất cả các học khu ở California, hãy xem trang Web Chi phí Giáo dục Hiện tại & Chi tiêu Mỗi học sinh của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec/>. Để biết thông tin về lương giáo viên cho tất cả các học khu ở California, hãy xem trang Web về Lương và Phúc lợi được Chứng nhận CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>. Để tra cứu chi tiêu và tiền lương cho một khu học chánh cụ thể, hãy xem trang Web Ed-Data tại: <http://www.ed-data.org>.

Chi tiêu cho mỗi học sinh năm 2022-23	
Trường học: Tổng chi tiêu cho mỗi học sinh	\$13,077.00
Trường học: Từ các nguồn bổ sung/hạn chế	\$379,00
Trường học: Từ các nguồn cơ bản/không hạn chế	\$12,698.00
Quận: Từ các nguồn cơ bản/không hạn chế	\$13,797.00
Tỷ lệ chênh lệch giữa trường và học khu	-7,97 %
Trạng thái: Từ các nguồn cơ bản/không hạn chế	10.770,62 USD
Tỷ lệ chênh lệch giữa trường học và tiểu bang	17,89 %

## LƯƠNG GIÁO VIÊN VÀ HÀNH CHÍNH

Bảng này hiển thị mức lương của Học khu cho giáo viên, hiệu trưởng và giám đốc, đồng thời so sánh những số liệu này với mức trung bình của Tiểu bang đối với các học khu cùng loại và quy mô. Bảng này cũng hiển thị mức lương của giáo viên và hành chính theo phần trăm ngân sách của Học khu và so sánh những số liệu này với mức trung bình của Tiểu bang đối với các học khu cùng loại và quy mô. Thông tin chi tiết về mức lương có thể được tìm thấy tại trang web CDE.

Thông tin về mức lương trung bình năm 2022-23		
	Huyện	Tỉnh trạng
Giáo viên mới bắt đầu	\$ 57.040,00	\$57,838.62
Giáo viên tầm trung	\$94,804.00	90.040,10 USD
Giáo viên cao nhất	\$129,488.00	118.647,40 USD
Hiệu trưởng trường tiểu học	\$ 161.693,00	144.638,98 USD
Hiệu trưởng trường trung học cơ sở	0,00 USD	148.269,55 USD
Hiệu trưởng trường trung học	0,00 USD	161.275,33 USD
Giám đốc	\$ 301.790,00	\$ 229.985,85
Lương giáo viên	28,29 %	30,79 %
Lương hành chính	4,09 %	5,71 %

## LƯƠNG GIÁO VIÊN TRƯỜNG TRƯỞNG

Bảng Lương Giáo viên Trung bình minh họa mức lương trung bình của giáo viên tại trường và so sánh với mức lương trung bình của giáo viên tại Học khu và toàn Tiểu bang.

Mức lương trung bình của giáo viên năm 2022-23	
Trường học	\$ 113.162,00
Huyện	\$108,277.00
Tỷ lệ chênh lệch giữa trường và học khu	4,51 %
Tất cả các khu học chánh tương tự	\$94,129.00
Tỷ lệ chênh lệch giữa trường học và tiểu bang	20,22 %

## KỶ LUẬT VÀ KHÍ HẬU HỌC TẬP

Trọng tâm chính tại Trường Walt Disney là học tập. Một bầu không khí ấm áp, nuôi dưỡng và một chương trình học tập hiệu quả là nền tảng cho chương trình kỷ luật của chúng tôi. Nhân viên nhà trường của chúng tôi hỗ trợ một môi trường dạy học sinh, thông qua chương trình giảng dạy hàng ngày, các kỹ năng giải quyết xung đột và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Các hướng dẫn kỷ luật do giáo viên soạn thảo được thực hiện một cách công bằng, chắc chắn và nhất quán. Sự cùng cố tích cực, thường xuyên khen thưởng học sinh về quyền công dân, thành tích và sự chuyên cần. Các nội quy của trường được chia sẻ với học sinh và phụ huynh trong buổi hướng dẫn lớp học, Đêm tựu trường và trong các buổi họp phụ huynh.

Trường Walt Disney thực hiện chương trình Hỗ trợ và Can thiệp Hành vi Tích cực. Học sinh được khuyến khích hình thành thói quen ứng xử tích cực trong lớp học và trên sân chơi. Nhân viên Walt Disney thiết lập những kỳ vọng về hành vi và sử dụng biện pháp củng cố tích cực.

Tại các buổi trao giải, chúng tôi ghi nhận những sinh viên xuất sắc đã rèn luyện những đức tính tốt. Học sinh cũng được công nhận về các thành tích khác, bao gồm học tập, chuyên cần hoàn hảo và quyền công dân.

Trường Walt Disney tham gia chương trình PAL® (Lãnh đạo hỗ trợ ngang hàng), cho phép học sinh (lớp 3-6) phát triển kỹ năng giải quyết xung đột. Những thủ lĩnh sinh viên được đào tạo này đóng vai trò là hình mẫu cho toàn thể sinh viên. Học sinh PAL® của chúng tôi hỗ trợ hòa giải xung đột, làm gương về hành vi chủ động và hỗ trợ các sáng kiến toàn trường để đảm bảo Trường Walt Disney phát triển các nhà lãnh đạo cho tương lai, cũng như duy trì một khuôn viên trường an toàn và yên bình cho tất cả mọi người.